ĐẠI CHỦNG VIỆN THÁNH PHANXICÔ XAVIÊ
Nghi Diên – Nghi Lộc – Nghệ An
ĐT: 02383.861.266.
Email: dcvphanxicoxavie@gmail.com
Website: http://dcvphanxicoxavie.com

Xã Đoài ngày 25 tháng 05 năm 2019

THÔNG BÁO

Chương trình, Danh sách thí sinh và những điều liên quan đến kỳ thi tuyển sinh Đại Chủng viện Thánh Phanxicô Xaviê, khóa XVII

Kính gửi: Quý Cha và cộng đồng Dân Chúa hai Giáo phận Vinh và Hà Tĩnh, đặc biệt là các em thí sinh tham dự kỳ thi tuyển vào Đại Chủng viện Thánh Phanxicô Xaviê khóa XVII

Như đã thông báo trước đây, kỳ thi tuyển sinh vào Đại Chủng viện Thánh Phanxicô Xaviê khóa XVII của hai Giáo phận Vinh và Hà Tĩnh sẽ được tổ chức vào các ngày 06-07/06/2019, tại Đại Chủng viện Thánh Phanxicô Xaviê (Nghi Diên – Nghi Lộc – Nghệ An). Vậy để giúp các thí sinh có một kỳ thi tuyển được tốt đẹp, Ban Tuyển sinh thông báo một số thông tin liên quan như sau:

I. Chương trình:

*** Ngày 6/6/2019**

- 6g00’: Tập trung
- 6g15’: Khai mạc tại Hội trường
- 6g45’: Vào phòng thi
- 7g00’- 9g30’: Thi Văn Nghị Luận
- 9g30’- 9g50’: Giải lao
- 10g00’- 11g15’: Thi Trắc Nghiệm
- 11g45’: Ăn trưa
- 13g45-18g00’: Phỏng Vấn

*** Ngày 7/6/2019**

- 7g00’-11g00’: Phỏng Vấn
- 13g45’-18g00’: Phỏng Vấn

II. Địa điểm thi:

Đại Chủng viện Thánh Phanxicô Xaviê, Nghi Diên, Nghi Lộc, Nghệ An.

III. Danh sách các thí sinh đăng ký dự thi:

DANH SÁCH THÍ SINH – GIÁO PHẬN VINH

TT	SỐ BÁO DANH	TÊN THÁNH, TÊN GỌI		SINH NĂM	GIÁO XỨ	TỈNH
1	**001**	Phêrô Nguyễn	**ÁI**	10/2/1991	Thanh Dạ	Nghệ An
2	**002**	Fx. Võ Tá	**ÁI**	9/11/1995	Cẩm Sơn	Nghệ An
3	**003**	JB. Nguyễn Vạn	**AN**	20/10/1995	Lưu Mỹ	Nghệ An
4	**007**	Phêrô Chu Văn Tuấn	**ANH**	3/10/1997	Thuận Nghĩa	Nghệ An
5	**009**	Phaolô Phạm Văn	**ANH**	24/08/1994	Thanh Tân	Nghệ An
6	**011**	Giuse Nguyễn Văn	**ÂN**	4/2/1993	Trang Nứa	Nghệ An
7	**015**	Giuse Nguyễn Văn	**CẢNH**	10/8/1993	La Nham	Nghệ An
8	**019**	Gioan Lê	**CAO**	23/06/1995	Trang Đen	Nghệ An
9	**021**	Phêrô Nguyễn Hữu	**CHÍNH**	20/10/1994	Yên Lĩnh	Nghệ An
10	**023**	Phêrô Trần Văn	**CHUNG**	22/02/1995	Lưu Mỹ	Nghệ An
11	**024**	Phêrô Trần Đăng	**CHƯƠNG**	22/01/1995	Thanh Tân	Nghệ An
12	**025**	Giuse Bùi Văn	**CÔI**	7/2/1995	Mành Sơn	Nghệ An
13	**027**	Micae Nguyễn Đình	**CƯƠNG**	17/05/1997	Thanh Dạ	Nghệ An
14	**028**	Giuse Trần Quốc	**CƯỜNG**	1/11/1995	Mỹ Yên	Nghệ An
15	**029**	Phêrô Trần Văn	**CƯỜNG**	1/10/1996	Nhân Hòa	Nghệ An
16	**032**	Micae Nguyễn Đình	**CƯỜNG**	16/01/1996	Thanh Dạ	Nghệ An
17	**033**	JB. Nguyễn Công	**CƯỜNG**	16/10/1996	Lưu Mỹ	Nghệ An
18	**034**	Giuse Nguyễn Văn	**CƯỜNG**	23/11/1993	Ngọc Long	Nghệ An
19	**035**	Giuse Nguyễn Văn	**DIỆN**	2/2/1995	Mẫu Lâm	Nghệ An
20	**036**	Phêrô Thái Văn	**DIỆU**	14/12/1992	Đồng Kén	Nghệ An
21	**037**	Giuse Hồ Sỹ	**DIỆU**	29/05/1993	Sơn La	Nghệ An
22	**041**	Antôn Thái Đình	**DUYỆT**	15/11/1991	Xuân Kiều	Nghệ An
23	**042**	JB. Trần Khánh	**DƯƠNG**	29/08/1994	Xã Đoài	Nghệ An
24	**043**	Phêrô Nguyễn Văn	**ĐẠI**	6/7/1991	Quan Lãng	Nghệ An
25	**048**	JB. Nguyễn Đình	**ĐẠT**	29/02/1996	Xuân Mỹ	Nghệ An
26	**050**	Phêrô Khoa Chu Văn	**ĐIỀN**	11/2/1992	Đạo Đồng	Nghệ An
27	**051**	Giuse Bùi Văn	**ĐOÀN**	1/4/1995	Thuận Giang	Nghệ An

28	**053**	Gioan Nguyễn Văn	**ĐOÀN**	21/10/1992	Xuân Kiều	Nghệ An
29	**057**	Giuse Nguyễn Văn	**ĐỨC**	2/6/1993	Mỹ Khánh	Nghệ An
30	**058**	JB. Lê Xuân	**ĐƯƠNG**	4/10/1994	Phúc Yên	Nghệ An
31	**062**	Phaolô Nguyễn Đình	**HẢI**	12/10/1992	Đồng Lam	Nghệ An
32	**063**	Giuse Nguyễn Văn	**HẢI**	1/11/1995	Cồn Cả	Nghệ An
33	**064**	Giuse Nguyễn Văn	**HẢI**	29/11/1992	Xã Đoài	Nghệ An
34	**065**	Giuse Chu Văn	**HẠNH**	1/1/1992	Đạo Đồng	Nghệ An
35	**069**	Phêrô Đặng Như	**HIẾU**	10/9/1997	Thượng Lộc	Nghệ An
36	**071**	Matthia Nguyễn Văn	**HOA**	2/9/1994	Đăng Cao	Nghệ An
37	**072**	Phêrô Nguyễn Văn	**HÓA**	5/12/1991	Lãng Điền	Nghệ An
38	**075**	Gioan Đinh Văn	**HOÀNG**	7/10/1995	Phúc Thịnh	Nghệ An
39	**078**	Antôn Nguyễn Xuân	**HOÀNG**	18/06/1994	Lập Thạch	Nghệ An
40	**079**	JB. Lê Trọng	**HOÀNG**	25/09/1996	Đồng Vông	Nghệ An
41	**080**	Giuse Trương Văn	**HỒNG**	26/2/1994	Hội Yên	Nghệ An
42	**086**	Phaolô Nguyễn Văn	**HÙNG**	14/6/1993	Vạn Lộc	Nghệ An
43	**087**	Giuse Nguyễn Văn	**HÙNG**	18/04/1996	Trang Nứa	Nghệ An
44	**089**	Antôn Nguyễn Văn	**HÙNG**	25/04/1993	Trại Gáo	Nghệ An
45	**090**	Phêrô Hồ Sỹ	**HÙNG**	27/09/1995	Thanh Tân	Nghệ An
46	**091**	Antôn Nguyễn Văn	**HÙNG**	29/07/1994	Lập Thạch	Nghệ An
47	**093**	Antôn Lê Văn	**HƯNG**	10/6/1995	Phan Thôn	Nghệ An
48	**095**	Giuse Nguyễn Chí	**HƯỚNG**	18/05/1994	Yên Lưu	Nghệ An
49	**097**	Giuse Nguyễn Công	**HƯỞNG**	20/2/1993	Bột Đà	Nghệ An
50	**101**	Antôn Đinh Hữu	**KHƯƠNG**	16/10/1991	Trang Nứa	Nghệ An
51	**103**	Phaolô Nguyễn Viết	**KIỀU**	15/5/1993	Quan Lãng	Nghệ An
52	**104**	Fx. Nguyễn	**KÍNH**	11/2/1992	Thanh Dạ	Nghệ An
53	**107**	Phêrô Nguyễn Văn	**LÀNH**	20/01/1992	Hội Yên	Nghệ An
54	**108**	JB. Nguyễn Văn	**LÂM**	8/9/1995	Hội Yên	Nghệ An
55	**110**	Antôn Dương Văn	**LINH**	2/7/1995	Phúc Lộc	Nghệ An
56	**111**	JB. Hoàng Quang	**LINH**	17/12/1992	Cẩm Trường	Nghệ An
57	**113**	Fx. Võ Văn	**LỘC**	10/8/1994	Bắc Thịnh (Hội Yên)	Nghệ An
58	**114**	Antôn Nguyễn Đình	**LỘC**	20/01/1996	Yên Lạc	Nghệ An

59	**115**	Fx. Lê Hồng	**LỢI**	21/12/1995	Thuận Nghĩa	Nghệ An
60	**116**	Antôn Nguyễn	**LUÝCH**	18/2/1994	Rú Đất	Nghệ An
61	**117**	Antôn Trần Văn	**LỰC**	15/02/1992	Bảo Nham	Nghệ An
62	**118**	JB.Trần Văn	**LƯỠNG**	1/1/1993	Thượng Lộc	Nghệ An
63	**119**	Giuse Chu Thiện	**LƯỢNG**	9/8/1994	Sơn La	Nghệ An
64	**120**	Phêrô Khoa Phạm Văn	**LƯỢNG**	16/10/1992	Thuận Nghĩa	Nghệ An
65	**123**	Giuse Nguyễn Bá	**MẾN**	25/04/1994	Làng Nam	Nghệ An
66	**127**	Phêrô Nguyễn Văn	**NAM**	16/05/1991	Tân Lộc	Nghệ An
67	**129**	Giuse Ngô Văn	**NGÂN**	20/01/1991	Quy Hậu	Nghệ An
68	**130**	Pet. Hoàng Sỹ	**NGHIÊM**	23/08/1995	Đồng Lạc	Nghệ An
69	**134**	Fx. Nguyễn Văn	**NGỌC**	28/11/1991	Yên Lưu	Nghệ An
70	**136**	Phaolô Đinh Hữu	**NHẠ**	10/10/1994	Trang Nứa	Nghệ An
71	**137**	Phêrô Trần Đức Thanh	**NHÀN**	20/06/1995	Cầu Rầm	Nghệ An
72	**138**	Antôn Nguyễn Văn	**NHU**	14/09/1995	Cẩm Trường	Nghệ An
73	**140**	Antôn Phạm Trọng	**PHÁP**	26/02/1996	Trang Nứa	Nghệ An
74	**142**	Giuse Trần Văn	**PHONG**	6/6/1995	Mành Sơn	Nghệ An
75	**145**	Giuse Nguyễn Văn	**PHÙNG**	4/6/1992	Đạo Đồng	Nghệ An
76	**147**	Giuse Nguyễn Văn	**PHƯƠNG**	6/8/1992	Đức Lân	Nghệ An
77	**148**	Gioan Đặng Đình	**QUANG**	15/05/1995	Phúc Yên	Nghệ An
78	**152**	Phêrô Nguyễn Văn	**QUYẾT**	6/3/1994	Mô Vĩnh	Nghệ An
79	**153**	Giuse Nguyễn Đăng	**QUYẾT**	27/11/1997	Bùi Ngọa	Nghệ An
80	**155**	Phêrô Nguyễn Văn	**SINH**	8/3/1995	Mỹ Yên	Nghệ An
81	**157**	JB. Hồ Văn	**SƠN**	19/08/1996	Thuận Nghĩa	Nghệ An
82	**158**	Antôn Nguyễn Trường	**SƠN**	24/06/1993	Mẫu Lâm	Nghệ An
83	**160**	Gioan Nguyễn Hoàng	**SƠN**	29/02/1996	Lập Thạch	Nghệ An
84	**161**	Gioan Vũ Minh	**TÂM**	10/9/1996	Sơn Trang	Nghệ An
85	**163**	Giuse Nguyễn Thanh	**TẤN**	28/09/1997	Trang Nứa	Nghệ An
86	**166**	Antôn Hoàng Sỹ	**THÁI**	24/01/1994	Đồng Lạc	Nghệ An
87	**167**	Phaolô Phan Đình	**THANH**	8/8/1992	Phú Vinh	Nghệ An
88	**168**	Giuse Phạm Văn	**THANH**	20/10/1993	Sơn Trang	Nghệ An
89	**169**	Phêrô Khoa Chu Đình	**THANH**	24/04/1991	Đạo Đồng	Nghệ An

90	**170**	JB. Trần Duy	**THANH**	29/08/1996	Tân Lập	Nghệ An
91	**171**	Phêrô Vũ Đình	**THÀNH**	2/5/1992	Xuân Mỹ	Nghệ An
92	**172**	Phêrô Trần Văn	**THÀNH**	9/2/1992	Yên Lĩnh	Nghệ An
93	**173**	Giuse Phạm Văn	**THÀNH**	11/4/1996	Hội Yên	Nghệ An
94	**177**	JB. Lê Đình	**THÂN**	1/6/1992	Vĩnh Hòa	Nghệ An
95	**179**	Fx. Trần Văn	**THIÊN**	24/04/1992	Cẩm Sơn	Nghệ An
96	**180**	JB. Phan Thanh	**THIỆN**	17/06/1991	Hội Yên	Nghệ An
97	**181**	Fx. Hồ Sỹ	**THIẾT**	5/2/1992	Sơn La	Nghệ An
98	**183**	Phêrô Nguyễn Văn	**THỊNH**	4/12/1997	Bình Thuận	Nghệ An
99	**184**	Phêrô Nguyễn Văn	**THÔNG**	10/8/1991	Kẻ Gai	Nghệ An
100	**186**	Fx. Nguyễn Văn	**THUẦN**	20/02/1994	Cẩm Sơn	Nghệ An
101	**190**	Fx. Trần Đình	**THUYÊN**	21/7/1993	Thuận Nghĩa	Nghệ An
102	**193**	Phaolô Trần Xuân	**THƯƠNG**	18/05/1992	Nhân Hòa	Nghệ An
103	**194**	Phêrô H.Khanh Nguyễn Đình	**THƯỞNG**	13/02/1991	Trang Nứa	Nghệ An
104	**196**	Giuse Hoàng Đức	**TIẾN**	29/09/1991	Vĩnh Giang	Nghệ An
105	**198**	Phêrô Trương Văn	**TRUNG**	8/4/1995	Đạo Đồng	Nghệ An
106	**201**	Gioan Phan Văn	**TUÂN**	19/02/1992	Hậu Thành	Nghệ An
107	**202**	JB. Phan Trọng	**TUÂN**	28/06/1993	Hội Yên	Nghệ An
108	**203**	Giuse Trần Anh	**TUẤN**	8/9/1993	Ngọc Long	Nghệ An
109	**204**	Giuse Dương Văn	**TUẤN**	2/1/1994	Phúc Lộc	Nghệ An
110	**205**	Antôn Chu Đình	**TUẤN**	4/3/1995	Đạo Đồng	Nghệ An
111	**209**	Giuse Phạm Đình	**TUẤN**	16/08/1993	Xã Đoài	Nghệ An
112	**210**	Giuse Bùi Văn	**TUẤN**	19/03/1991	Song Ngọc	Nghệ An
113	**211**	JB. Phan Anh	**TUẤN**	20/04/1995	Cẩm Trường	Nghệ An
114	**213**	Giuse Phan Anh	**TUẤN**	25/10/1995	Xã Đoài	Nghệ An
115	**214**	Giuse Hồ Sỹ	**TÙNG**	19/03/1996	Quy Hậu	Nghệ An
116	**215**	Giuse Nguyễn Duy	**TỤNG**	7/6/1994	Lộc Mỹ	Nghệ An
117	**218**	Phaolô Phạm Văn	**VĂN**	1/6/1993	Thanh Tân	Nghệ An

DANH SÁCH THÍ SINH – GIÁO PHẬN HÀ TĨNH

TT	SỐ BÁO	TÊN THÁNH, TÊN GỌI	SINH NĂM	GIÁO XỨ	TỈNH

	DANH					
1	**004**	Giuse Lê Văn Tuấn	**ANH**	1/10/1994	Sen Bàng	Quảng Bình
2	**005**	Antôn Nguyễn Tuấn	**ANH**	10/3/1995	Kỳ Anh	Hà Tĩnh
3	**006**	Phêrô Nguyễn Tiến	**ANH**	1/1/1997	Đồng Troóc	Quảng Bình
4	**008**	JB. Trần Đình	**ANH**	23/09/1996	Hòa Mỹ	Hà Tĩnh
5	**010**	Phêrô Nguyễn Tuấn	**ANH**	25/12/1993	Hướng Phương	Quảng Bình
6	**012**	Phêrô Lê Văn	**BẮC**	2/3/1993	Thu Chỉ	Hà Tĩnh
7	**013**	Phêrô Nguyễn Công	**BÌNH**	15/15/1995	Hướng Phương	Quảng Bình
8	**014**	Phêrô Nguyễn Tiến	**BỘ**	6/6/1991	Làng Truông	Hà Tĩnh
9	**016**	Fx. Phạm Thanh	**CẢNH**	12/2/1993	Kinh Nhuận	Quảng Bình
10	**017**	Giuse Trần Quốc	**CẢNH**	28/12/1993	Thọ Ninh	Hà Tĩnh
11	**018**	Fx. Trần Đình	**CAO**	3/11/1996	Thịnh Lạc	Hà Tĩnh
12	**020**	Phaolô Trần Hồng	**CHIẾN**	17/06/1992	Kim Lâm	Hà Tĩnh
13	**022**	Antôn Phan Văn	**CHỈNH**	19/07/1993	Khe Sắn	Hà Tĩnh
14	**026**	Antôn Nguyễn Chí	**CÔNG**	1/11/1992	Đức Vọng (Từ Kẻ Mui)	Hà Tĩnh
15	**030**	Fx. Trần Mạnh	**CƯỜNG**	10/10/1996	Thịnh Lạc	Hà Tĩnh
16	**031**	Phêrô Nguyễn Văn	**CƯỜNG**	14/08/1997	Ngô xá	Hà Tĩnh
17	**038**	Phêrô Nguyễn Văn	**DINH**	16/3/1994	Tân Vĩnh	Hà Tĩnh
18	**039**	Phêrô Trần Văn	**DŨNG**	15/3/1995	Diên Trường	Quảng Bình
19	**040**	Đaminh Phạm Đình	**DUY**	28/8/1995	Làng Truông	Hà Tĩnh
20	**044**	JB. Nguyễn Văn	**ĐẠO**	9/5/1994	Ninh Cường	Hà Tĩnh
21	**045**	Giuse Lê Quang	**ĐẠT**	10/1/1995	Xuân Sơn	Hà Tĩnh
22	**046**	Giuse Trương Văn	**ĐẠT**	10/4/1995	Tam Trang	Quảng Bình
23	**047**	Thomas D’Aquino Lê Quang	**ĐẠT**	20/12/1991	Nghĩa Yên	Hà Tĩnh
24	**049**	Gioan Cao Xuân	**ĐĂNG**	1/11/1994	Tràng Lưu	Hà Tĩnh
25	**052**	Phêrô Nguyễn Văn	**ĐOÀN**	10/10/1995	Thủy Vực	Quảng Bình
26	**054**	Phêrô Cao Đình	**ĐÔ**	13/9/1993	Tân Phương	Hà Tĩnh

27	**055**	Phaolô Bùi Đình	**ĐÔNG**	2/3/1993	Gia Hòa	Hà Tĩnh
28	**056**	Phêrô Nguyễn Văn	**ĐỒNG**	25/8/1996	Vạn Căn	Hà Tĩnh
29	**059**	Giuse Hoàng Văn	**ĐƯỜNG**	9/1/1993	Khe Ngang	Quảng Bình
30	**060**	Giuse Trần Nguyên	**GIÁP**	8/4/1994	Trại Lê	Hà Tĩnh
31	**061**	Micae Trần Văn	**HÀ**	6/1/1995	Tân Vĩnh	Hà Tĩnh
32	**066**	Phêrô Nguyễn Đức	**HẠNH**	20/5/1993	Hướng Phương	Quảng Bình
33	**067**	Giuse Hoàng Xuân	**HIẾN**	10/1/1996	Phù Kinh	Quảng Bình
34	**068**	Giuse Trần Văn	**HIẾN**	22/09/1994	Tiếp Võ	Hà Tĩnh
35	**070**	Antôn Nguyễn Đức	**HIẾU**	22/05/1995	Tân Phong	Quảng Bình
36	**073**	Phêrô Nguyễn Xuân	**HÒA**	2/6/1993	Kinh Nhuận	Quảng Bình
37	**074**	JB. Trần Văn	**HÒA**	23/7/1994	Dũ Lộc	Hà Tĩnh
38	**076**	Antôn Hồ Văn	**HOÀNG**	12/3/1996	Thu Chỉ	Hà Tĩnh
39	**077**	Antôn Nguyễn Thái	**HOÀNG**	18/06/1991	Kinh Nhuận	Quảng Bình
40	**081**	Phêrô Nguyễn Huy	**HỢP**	1/3/1992	Trại Lê	Hà Tĩnh
41	**082**	Giuse Đậu Anh	**HÙNG**	9/3/1993	Đông Yên	Hà Tĩnh
42	**083**	Phêrô Nguyễn Văn	**HÙNG**	10/3/1993	Dũ Lộc	Hà Tĩnh
43	**084**	Giuse Nguyễn Văn	**HÙNG**	4/7/1996	Văn Hạnh	Hà Tĩnh
44	**085**	Phêrô Võ Công	**HÙNG**	14/3/1995	Văn Hạnh	Hà Tĩnh
45	**088**	Mathêu Trần	**HÙNG**	20/08/1992	An Nhiên	Hà Tĩnh
46	**092**	Phêrô Cao	**HUY**	6/6/1995	Hướng Phương	Quảng Bình
47	**094**	Phêrô Phạm Tín	**HƯNG**	17/10/1994	Cửa Sót	Hà Tĩnh
48	**096**	Phêrô Phùng Văn	**HƯỞNG**	20/10/1994	Kim Lũ	Quảng Bình
49	**098**	Phaolô Nguyễn Văn	**KHIÊM**	14/12/1997	Thủy Vực	Quảng Bình
50	**099**	Phêrô Trần Đình	**KHOA**	6/8/1992	Trại Lê	Hà Tĩnh
51	**100**	Phêrô Khoa Nguyễn Đình	**KHỞI**	17/5/1996	Kẻ Đông	Hà Tĩnh
52	**102**	Phêrô Nguyễn Văn	**KIÊN**	31/08/1991	Chân Thành	Hà Tĩnh
53	**105**	Giuse Đậu Quang	**KÍNH**	20/6/1994	Hòa Mỹ	Hà Tĩnh

54	**106**	Phêrô Nguyễn Xuân	**LÀNH**	17/4/1997	Văn Hạnh	Hà Tĩnh
55	**109**	Phêrô Nguyễn Chí	**LINH**	2/6/1994	Hướng Phương	Quảng Bình
56	**112**	Phêrô Hoàng Văn	**LINH**	20/6/1991	Đông Yên	Hà Tĩnh
57	**121**	Micae Nguyễn Văn	**LƯỢNG**	23/12/1990	Trại Lê	Hà Tĩnh
58	**122**	Phêrô Phan Văn	**LƯỢNG**	23/8/1992	Vạn Căn	Hà Tĩnh
59	**124**	Giuse Hoàng Văn	**MINH**	1/3/1993	Trại Lê	Hà Tĩnh
60	**125**	Phêrô Trần Số	**MƯỜI**	3/12/1994	Dũ Lộc	Hà Tĩnh
61	**126**	Phêrô Mai Xuân	**NAM**	3/5/1995	Kinh Nhuận	Quảng Bình
62	**128**	Phêrô Cao Quốc	**NĂNG**	30/10/1997	Tràng Lưu	Hà Tĩnh
63	**131**	Phêrô Nguyễn Văn	**NGỌC**	9/8/1993	Đồng Troóc	Quảng Bình
64	**132**	Phaolô Nguyễn Hồng	**NGỌC**	12/6/1997	Thủy Vực	Quảng Bình
65	**133**	Phêrô Nguyễn Văn	**NGỌC**	28/03/1993	Tân Thành	Hà Tĩnh
66	**135**	Antôn Trần Văn	**NGUYỆN**	5/1/1991	Tân Sơn	Hà Tĩnh
67	**139**	Antôn Nguyễn Văn	**NỘI**	6/12/1992	Thổ Hoàng	Hà Tĩnh
68	**141**	Phêrô Hoàng	**PHẬN**	1/6/1996	Cồn Sẻ	Quảng Bình
69	**143**	Fx. Võ Văn	**PHỔ**	8/10/1994	Thượng Bình	Hà Tĩnh
70	**144**	Phêrô Khoa Hoàng Hữu	**PHÚC**	1/2/1994	Kẻ Đông	Hà Tĩnh
71	**146**	JB. Đặng Văn	**PHƯỚC**	16/6/1993	Quý Hòa	Hà Tĩnh
72	**149**	Phêrô Hoàng	**QUÂN**	10/7/1994	Kinh Nhuận	Quảng Bình
73	**150**	Micae Trần Đình	**QUỐC**	5/10/1995	Hòa Mỹ	Hà Tĩnh
74	**151**	Giuse Đoàn Văn	**QUÝ**	16/12/1996	An Nhiên	Hà Tĩnh
75	**154**	Giuse Lê Quang	**SÁNG**	5/1/1993	Ninh Cường	Hà Tĩnh
76	**156**	Phêrô Nguyễn Minh	**SÓNG**	6/8/1993	Đông Yên	Hà Tĩnh
77	**159**	Phêrô Nguyễn Hồng	**SƠN**	25/10/1992	Cồn Sẻ	Quảng Bình
78	**162**	Phaolô Trần Thanh	**TÂN**	12/12/1996	Phù Kinh	Quảng Bình
79	**164**	Phêrô Nguyễn Viết	**THẠCH**	2/2/1993	Trại Lê	Hà Tĩnh
80	**165**	Giuse Lê Xuân	**THẠCH**	15/1//1996	Tri Bản	Hà Tĩnh
81	**174**	Giuse Nguyễn Đức	**THẢO**	10/10/1995	Tam Trang	Quảng

						Bình
82	**175**	Gioan Nguyễn Minh	**THẮNG**	6/3/1993	Văn Hạnh	Hà Tĩnh
83	**176**	Antôn Trần Văn	**THẮNG**	23/4/1991	An Nhiên	Hà Tĩnh
84	**178**	Augustinô Đặng Viết	**THIÊM**	1/1/19961	Phương Mỹ	Hà Tĩnh
85	**182**	Antôn Đặng Thái	**THIẾT**	28/07/1994	Khe Sắn	Hà Tĩnh
86	**185**	Gioan Phan Văn	**THÔNG**	6/9/1992	Kẻ Đọng	Hà Tĩnh
87	**187**	Giuse Hoàng Minh	**THUẬN**	18/08/1993	Minh Cầm	Quảng Bình
88	**188**	Gioan Trần Đình	**THỦY**	3/10/1994	Văn Hạnh	Hà Tĩnh
89	**189**	Giuse Võ Công	**THUYÊN**	21/03/1994	Lộc Thủy (HT)	Hà Tĩnh
90	**191**	Phêrô Cao Văn	**THỰC**	11/6/1993	Kim Cương	Hà Tĩnh
91	**192**	Phêrô Nguyễn Văn	**THƯƠNG**	10/6/1991	Vĩnh Hội	Hà Tĩnh
92	**195**	Giuse Phaolô Nguyễn Trường	**TIẾN**	16/8/1997	Kẻ Mui	Hà Tĩnh
93	**197**	JB. Nguyễn Viết	**TOÀN**	18/1/1994	Chân Thành	Hà Tĩnh
94	**199**	Antôn Trần Nhật	**TRƯỜNG**	10/1/1996	Cửa Sót	Hà Tĩnh
95	**200**	Phêrô Hoàng Văn	**TUÂN**	10/10/1992	Dũ Lộc	Hà Tĩnh
96	**206**	Gioan Nguyễn Văn	**TUẤN**	6/5/1995	Thịnh Lạc	Hà Tĩnh
97	**207**	Giuse Nguyễn Anh	**TUẤN**	9/9/1996	Khe Gát	Quảng Bình
98	**208**	Fx. Nguyễn Quốc	**TUẤN**	16/08/1992	Lộc Thủy (HT)	Hà Tĩnh
99	**212**	Antôn Nguyễn Anh	**TUẤN**	20/12/1995	Gia Phổ	Hà Tĩnh
100	**216**	Phêrô Nguyễn Văn	**ÚY**	17/02/1993	Quý Hòa	Hà Tĩnh
101	**217**	JB. Nguyễn Viết	**VĂN**	5/7/1991	Phương Mỹ	Hà Tĩnh
102	**219**	Antôn Trần Văn	**VŨ**	1/5/1997	Thu Chỉ	Hà Tĩnh
103	**220**	Phêrô Nguyễn Thượng	**VŨ**	23/4/1996	Kẻ Vang	Hà Tĩnh
104	**221**	Giuse Đậu Quang	**Ý**	22/04/1996	Thọ Ninh	Hà Tĩnh

IV. Các vấn đề khác

- Các thí sinh tự túc chỗ trọ và ăn uống trong những ngày thi, riêng trưa ngày 6/6, các thí sinh dùng cơm tại Đại Chủng viện.
- Các thí sinh mang theo giấy Chứng Minh Nhân Dân, Hộ Chiếu hoặc Bằng Lái Xe để vào phòng thi.

- Thí sinh cần điều chỉnh thông tin cá nhân liên quan đến Danh sách được thông báo, xin liên hệ đến số điện thoại **0986336152.**

Cuối cùng, xin Chúa Thánh Thần ban ơn bình an và hướng dẫn các thí sinh có một kỳ thi tuyển tốt đẹp.

T/M Ban Tuyển Sinh

Lm. JB. Nguyễn Khắc Bá
Giám đốc Đại Chủng viện